

Số: 61 /GPMT-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 14 tháng 11 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét các đề nghị của Công ty Cổ phần xi măng Đồng Lâm tại Văn bản số
248/2024/CV/ĐLHU/0200 ngày 13/3/2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi
trường; Văn bản Văn bản số 1163/2024/CV/ĐLHU/0200 ngày 28/10/2024 về việc
giải trình các nội dung bổ sung, chỉnh sửa trong Báo cáo đề xuất cấp giấy
phép môi trường cơ sở “Đầu tư khai thác mỏ đá sét” thuộc xã Phong Xuân và
xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
468/TTr-STNMT-MT ngày 12 tháng 11 năm 2024;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần xi măng Đồng Lâm, địa chỉ văn
phòng: Thôn Cổ Xuân, xã Phong Xuân, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế,
được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Đầu tư khai thác
mỏ đá sét” thuộc xã Phong Xuân và xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa
Thiên Huế” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Đầu tư khai thác mỏ đá sét;

1.2. Địa điểm hoạt động cơ sở: xã Phong Xuân và xã Phong An, huyện
Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế;

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số
doanh nghiệp 3300384306 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế thay
đổi lần thứ 9 ngày 20 tháng 05 năm 2021;

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 31111000125 do Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế chứng nhận lần đầu ngày 30 tháng 06 năm 2009

1.5. Mã số thuế: 3300384306;

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác khoáng sản đá sét làm phụ gia xi măng và sản xuất xi măng;

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Quy mô diện tích sử dụng đất: Diện tích theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1709/GP-BTNMT ngày 31/8/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường là 60,00 ha thuộc xã Phong Xuân và xã Phong Mỹ. Tọa độ được giới hạn bởi các điểm góc như sau:

Bảng 1.1. Tọa độ các điểm góc khu vực khai thác

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 105 ⁰ , múi 6 ⁰	
	X (m)	Y (m)
S2	1830 189	751 647
S3	1830 772	752 163
S4	1830 350	752 560
A	1829 744	751 847
B	1829 809	751 151
C	1829 988	751 348
Diện tích	60 ha	

- Diện tích sử dụng đất:

+ Diện tích đất sử dụng khu mỏ được cấp phép: 60,00 ha.

+ Diện tích thuê đất khai thác mỏ: 54,0143 ha (Hợp đồng thuê đất số 54/HĐTD ngày 8/9/2016 đính kèm Phụ lục Báo cáo);

+ Diện tích còn lại chưa thực hiện thuê đất 5,9875 ha, do chưa hoàn tất công tác giải phóng mặt bằng. Phần diện tích đất chưa thuê được triển khai vào giai đoạn sau của dự án.

- Phạm vi khu mỏ xin cấp Giấy phép môi trường:

Chủ cơ sở mới tiến hành xây dựng cơ bản mỏ và thực hiện khai thác khu vực mỏ thuộc khu 1 với diện tích 246.028 m² (hướng lên phía Bắc, về các điểm góc S3, S4, phần diện tích này đã hợp đồng thuê đất) nên chỉ xin đề xuất cấp giấy phép môi trường cho hồ lắng thuộc khu 1 này. Trong thời gian khai thác đến, khi bắt đầu khai thác ở khu 2 thì sẽ tiến hành xây dựng hồ lắng và tiếp tục lập hồ sơ đề xuất cấp phép môi trường theo quy định.

- Trữ lượng:

+ Trữ lượng được phép khai thác: 9.574.772 tấn đá sét

+ Công suất khai thác: 332.073 tấn đá sét nguyên khai/năm

- Khai thác đất tầng phủ: Một phần để cải tạo, phục hồi môi trường của mỏ, phần còn lại thực hiện theo quy định của Luật Khoáng sản và các quy định có liên quan khác.

- Sản phẩm: khoáng sản đá sét làm phụ gia xi măng.

- Phương pháp khai thác: lộ thiên;

- Thời gian khai thác mỏ: đến hết ngày 31/8/2039.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường theo các phương án giảm phát sinh bụi trong quá trình hoạt động khai thác quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần xi măng Đồng Lâm có trách nhiệm:

2.1. Thực hiện các nội dung theo quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản số 1709/GP-BTNMT ngày 31/8/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc cho phép Công ty Cổ phần xi măng Đồng Lâm khai thác mỏ đá sét thuộc xã Phong Xuân và xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2.2. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng;

2.3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật;

2.4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

2.5. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường;

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày ký;

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Công ty CP xi măng Đồng Lâm;
- Quỹ BVMT tỉnh;
- UBND huyện Phong Điền;
- UBND xã: Phong Xuân, Phong An;
- Cổng Thông tin điện tử UBND tỉnh;
- CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, CT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Quý Phương

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 61 /GPMT-UBND
ngày 14 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước mưa chảy tràn qua khu vực mỏ;

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Dòng nước thải: Nước mưa sau khi qua hố lắng chảy vào mương nước phía Bắc khu mỏ, cách khu mỏ khoảng 200m, sau đó tự chảy ra suối Cầu Bản, thuộc xã Phong Xuân, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Suối Cầu Bản, thuộc xã Phong Xuân, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả thải: Khe suối Cầu Bản xã Phong Xuân, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Tọa độ điểm xả nước thải (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°, múi 3⁰): X=1829870; Y=538533.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 8.721 m³/ngày.đêm

2.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy, xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả thải: liên tục (24 giờ);

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

Stt	Thông số	Giá trị giới hạn (QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C _{max} , cột B, Kq = 0,9; Kf= 0,9)
1	pH	5,5 -9
2	SS	81
3	Tổng dầu mỡ khoáng	8,1

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và thoát nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

1.1.1. Công trình thu gom, thoát nước mưa tại khu mỏ

Mương thu nước quanh khu vực mỏ đang hoạt động (khu I) được xây dựng thu nước chảy tràn trên bề mặt địa hình có kết cấu là nền đất tự nhiên được sửa phẳng và nhấn thoát theo hướng dòng chảy về phía Bắc khai trường và hệ thống kênh rạch chung của khu vực

** Các thông số kỹ thuật hệ thống thu gom, thoát nước mưa:*

- Thông số rãnh thoát nước mưa khai trường:

+ Chiều rộng đáy: 1 m, chiều dài 385 m

+ Độ dốc của mái taluy: 1:1,5

+ Chiều rộng mặt mương tùy thuộc địa hình tự nhiên (0,5-1m)

+ Cao độ đáy mương thấp hơn cao độ đáy mỏ (nhỏ hơn +10m)

+ Kết cấu: Mương đất

- Hướng thoát, điểm tiếp nhận: Toàn bộ nước mưa được thoát theo chiều từ cao xuống thấp về phía Tây Bắc khai trường tại vị trí có tọa độ (X: 1829783; Y: 538641) (Hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 107°, múi 3°);

- Nước mưa chảy tràn trong moong khai thác (nước tháo khô mỏ) được thu gom theo các tuyến rãnh tự tạo trong khai trường chảy theo độ dốc địa hình và theo chiều từ cao xuống thấp, từ Đông sang Tây về khu vực hồ lắng phía Bắc có tổng dung tích 9.600 m³). Tại đây nước sau khi xử lý đạt quy chuẩn sẽ chảy theo đường tuyến mương đất tự nhiên chảy ra điểm tiếp nhận là Suối Cầu Bản.

- Lắp đặt biển cảnh báo nguy hiểm ở vị trí hồ lắng để tránh các tai nạn đáng tiếc xảy ra. Định kỳ nạo vét 01 tuần/lần để đảm bảo công năng của hồ lắng.

1.1.2. Nước thải sinh hoạt

Do hoạt động khai thác mỏ không thường xuyên, nên cơ sở không bố trí nhà vệ sinh tại mỏ, mà bố trí sử dụng chung với nhà vệ sinh của nhà máy xi măng Đồng Lâm nằm cạnh mỏ.

1.1.3. Nước thải từ quá trình xịt rửa lốp xe

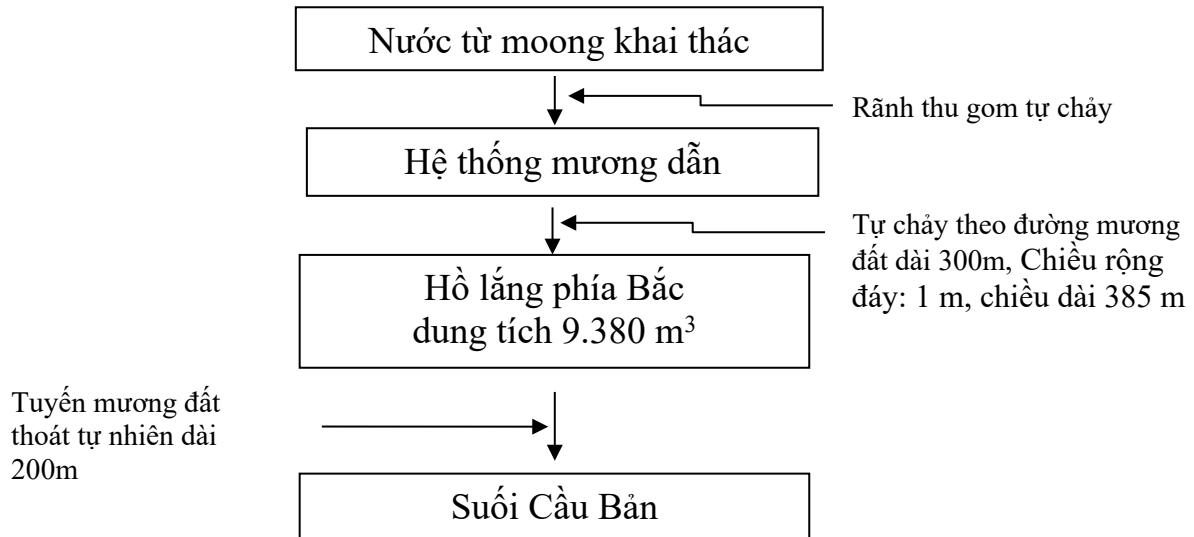
Mỏ đá sét nằm giáp ranh khu vực nhà máy nên quá trình vận chuyển nguyên liệu, xe chỉ di chuyển trong khu vực nội bộ mỏ không đi ra bên ngoài cơ sở, do đó Cơ sở không bố trí Trạm xịt rửa xe.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý nước mưa chảy tràn qua khu vực khai thác:

Công ty đã bố trí 01 hồ lắng để thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn. Công trình xử lý nước mưa chảy tràn đã được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo giấy xác nhận số 70/GXN-TNMT ngày 4/9/2015;

a. Sơ đồ thu gom xử lý nước chảy tràn của mỏ:



Sơ đồ thoát nước thải từ quá trình tháo khô mỏ

- Nước mưa chảy tràn trong moong khai thác (nước tháo khô mỏ) được thu gom theo các tuyến rãnh tự tạo trong khai trường chảy theo độ dốc địa hình và theo chiều từ cao xuống thấp, từ Đông sang Tây về khu vực hồ lắng phía Bắc có tổng dung tích 9.380 m³). Tại đây nước sau khi xử lý đạt quy chuẩn sẽ chảy theo đường tuyến mương đất tự nhiên chảy ra điểm tiếp nhận là Suối Cầu Bản.

- Thông tin hồ lắng:

* Cơ sở đã bố trí 01 hồ lắng 3 ngăn phía Bắc khu vực cơ sở với thông số như sau:

- + Diện tích hồ lắng: 4.800 m²;
- + Chiều rộng trung bình khoảng: 50m;
- + Chiều dài hồ khoảng 96 m;
- + Dung tích 9.380m³ (ngăn số 01: 3.315m³, ngăn số 02: 2.895m³ và ngăn số 3: 3.170m³).

+ Kết cấu: Bằng đất;

- Vị trí: Phía Bắc khu mỏ. Tọa độ địa lý hồ lắng (Hệ tọa độ VN-2.000, KTT 107⁰ múi chiếu 3⁰): X=1829801.01, Y=538660.32;

- Nguyên lý hoạt động: Dòng chảy được đưa vào hồ lắng theo phương nằm ngang, dưới tác động của trọng lực cát, sỏi nhỏ, các chất rắn lơ lửng và các chất vô cơ sẽ lắng xuống đáy hồ.

Nước phân phối vào hồ lắng theo phương nằm ngang. Dưới tác động của trọng lực cát, sỏi nhỏ, các chất rắn lơ lửng và các chất vô cơ sẽ lắng xuống đáy hồ. Nước sau khi được lắng sẽ theo mương dẫn thải vào nguồn tiếp nhận.

- Xử lý bùn, cặn lắng: Do tính chất của nước thải chứa một lượng lớn cát, sỏi nhỏ, chất rắn lơ lửng, các chất vô cơ nên lượng bùn, cặn lắng trong hồ. Lượng bùn, cặn lắng này được định kỳ nạo vét thu gom và đưa vào bãi thải tạm

của mỏ đá sét. Để thuận tiện trong việc nạo vét, thu gom tranh thủ những ngày trời không mưa để tiến hành thuận lợi.

- Nước thải sau khi qua hồ lắng đạt QCVN 40:2011/BTNMT (B).

- Định kì nạo vét hệ thống rãnh thoát nước và hồ lắng với tần suất 3 tháng/lần. Bùn thải phát sinh từ quá trình nạo vét được tập kết tạm tại những vị trí đã khai thác, và phục vụ công tác cải tạo phục hồi của cơ sở.

1.2.2. Xử lý nước thải sinh hoạt

Do hoạt động khai thác mỏ không thường xuyên, nên cơ sở không bố trí nhà vệ sinh tại mỏ, mà bố trí sử dụng chung với nhà vệ sinh của nhà máy xi măng Đồng Lâm nằm cạnh mỏ.

1.2.3. Nước thải từ quá trình xịt rửa xe

Mỏ đá sét nằm giáp ranh khu vực nhà máy nên quá trình vận chuyển nguyên liệu, xe chỉ di chuyển trong khu vực nội bộ mỏ không đi ra bên ngoài cơ sở, do đó Cơ sở không bố trí Trạm xịt rửa xe.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Cơ sở không thuộc trường hợp phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 61 /GPMT-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép về khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng máy móc, thiết bị theo đúng quy định của nhà sản xuất.

2. Công ty bố trí, trang bị 01 xe téc tưới đường để phun nước tưới ẩm dọc đường vận chuyển trong khai trường; dung tích 6 m³. Kích thước xe (7060 x 2180 x 2580) mm.

- Tần suất hoạt động: phụ thuộc vào tần suất khai thác (trung bình từ 2-4 lần/ca) (tùy vào điều kiện thời tiết).

- Quy trình thực hiện phun tưới nước dập bụi: Xe tưới nước sử dụng ống hút nước đi kèm tiến hành hút nước tại hồ lắng. Quá trình phun nước tại khai trường và các tuyến đường vận chuyển: trên xe có búp phun nước kiểu hoa sen, nước được phun thành dạng sương nhỏ, dày đặc chuyển động với vận tốc lớn, đập vào hạt bụi và kéo hạt bụi rơi xuống đất, đặc biệt là những hạt bụi có kích cỡ từ 0,1-0,5mm.

- Bố trí 01 cán bộ điều hướng đảm bảo an toàn khu vực mỏ và tuyến đường vận chuyển.

- Thực hiện phun nước chống bụi bề mặt khu vực khai thác trong những ngày nắng nóng, có gió lớn bằng xe bồn. Sử dụng xe phun tưới nước tần suất 2-4 lần/ca vào mùa khô trong giai đoạn hoạt động cho đến khi dừng đổ thải của cơ sở. Tùy thuộc vào tình hình khai thác có thể tăng tần suất tưới nước dập bụi để đảm bảo hiệu quả nhất.

- Đối với khu vực bãi thải tạm là nguồn phát sinh bụi khá lớn của cơ sở, do đó để hạn chế phát sinh và phát tán bụi tại bãi thải tạm, chủ yếu sử dụng biện pháp phun tưới nước làm ẩm trong quá trình đổ thải, và dùng bạt che phủ

3. Khi vận chuyển, các phương tiện có bạt che phủ và đúng trọng tải quy định.

- Kiểm soát tốc độ vận chuyển của xe, đặc biệt yêu cầu các lái xe giảm tốc độ khi đi qua các khu vực đông dân nhằm giảm thiểu tác động của bụi, khí thải và hạn chế tai nạn giao thông.

- Khảo sát các tuyến đường vận chuyển, nếu có trường hợp rơi vãi đất cần có phương án tưới nước nhằm hạn chế bụi.

- Trồng thêm cây xanh tạo dải xanh xung quanh khu mỏ để giảm thiểu bụi và khí thải phát sinh trong vùng khai thác và tôn tạo cảnh quan vùng được cấp phép.

4. Thường xuyên thu gom đất đá thải rơi vãi trên tuyến đường vận chuyên;
5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi hoạt động phát sinh bụi không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 61 /GPMT-UBND
ngày 14 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nguồn phát sinh: Từ các phương tiện giao thông ra vào mỏ, hoạt động của các thiết bị, máy móc.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung có tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiều 3⁰ như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN -2.000 (KTT 107 ⁰ múi chiều 3 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
1	1829565	538552
2	1829535	538695
3	1829438	538707
4	1829406	538738
5	1829342	538607
6	1829384	538486

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ Giá trị giới hạn theo QCVN đối với tiếng ồn như sau:

Stt	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

Độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Giá trị giới hạn theo QCVN đối với độ rung như sau:

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)	
1	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Xây dựng kế hoạch khai thác, sử dụng máy móc thiết bị, vận chuyển hợp lý về cả số lượng các loại máy móc, phương tiện và lộ trình di chuyển; không tập trung nhiều máy móc, phương tiện vận chuyển vào cùng một thời điểm, trên cùng một khu vực thi công, tránh cộng hưởng tiếng ồn, độ rung;

- Khai thác đúng giờ quy định, không khai thác, vận chuyển vào buổi trưa và buổi tối;

- Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ, kiểm tra sự cân bằng của máy móc, thiết bị trước khi khai thác, khai thác đúng công suất thiết kế, đúng tải trọng quy định;

- Điều chỉnh số lượng máy móc sử dụng một cách luân phiên cho hợp lý để hạn chế sự cộng hưởng tiếng ồn, độ rung;

- Hạn chế bóp còi và giảm tốc độ xe khi đi qua các khu vực dân cư;

- Đối với những công nhân tiếp xúc trực tiếp với nguồn ồn, trang bị các dụng cụ bảo vệ tai đúng tiêu chuẩn nhằm giảm những hậu quả do tiếng ồn gây ra.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn và độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 61 /GPMT-UBND
ngày 14 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Công tác sửa chữa được thực hiện tại gara sửa chữa trên địa bàn, tại khu vực mỏ không diễn ra công tác sửa chữa nên tại không phát sinh CTNH. Do đó, Chủ cơ sở không bố trí công trình lưu giữ, xử lý CTNH.

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng thực tế phát sinh: Công nhân không ăn uống, lưu trú tại mỏ nên không phát sinh chất thải sinh hoạt.

1.3. Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Tổng khối lượng đất đá thải hàng năm của mỏ đá sét Phong Xuân là 34.335 tấn/năm bao gồm đất tầng phủ, đá và bùn nạo vét. Tuy nhiên, đất tầng phủ, đá và bùn nạo vét thực tế phát sinh chỉ khoảng 7.625 m³ và được vận chuyển tập kết bãi thải tạm trong khu mỏ.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Tại khu vực mỏ không diễn ra công tác sửa chữa nên tại không phát sinh CTNH. Do đó, Chủ cơ sở không bố trí công trình lưu giữ, xử lý CTNH.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Đất tầng phủ, bùn nạo vét, đá thải của mỏ được vận chuyển tập kết bãi thải tạm trong mỏ;

- Đối với đất tầng phủ, bùn nạo vét, đá thải của mỏ phát sinh từ quá trình khai thác sẽ được tập kết bãi thải tạm trong mỏ, khối lượng đất tầng phủ và bùn được tận dụng cho quá trình cải tạo, phục hồi môi trường sau này của Cơ sở, phần còn lại Công ty lập hồ sơ xin phép cấp theo quy định của Luật Khoáng sản và các quy định liên quan.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Các biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động

- Lắp đặt một số biển cảnh báo xung quanh khu vực khai thác nhằm hạn chế tối đa tai nạn có thể xảy ra khi con người và súc vật đi qua địa điểm thực hiện;

- Cắm biển cảnh báo độ sâu hố lảng để người dân và cán bộ công nhân biết và đề phòng;

- Công nhân vận hành máy móc thiết bị như máy xúc, máy ủi được đào tạo và đảm bảo thông thạo kỹ thuật trước khi vận hành máy;

- Trang bị thiết bị bảo hộ lao động và vệ sinh lao động đồng thời có chế độ

kiểm tra việc chấp hành của người lao động;

- Thực hiện chương trình kiểm tra và giám sát sức khỏe định kỳ cho CBCNV nhằm phát hiện kịp thời các bệnh nghề nghiệp, đặc biệt là công nhân làm việc trực tiếp trong khu vực.

- Tổ chức các buổi tập huấn về an toàn lao động cho công nhân;
- Có chế độ làm việc, nghỉ ngơi với thời gian hợp lý;
- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng thiết bị, máy móc trong quá trình thi công;
- Không thi công khai thác vào mùa mưa để tránh gây sạt lở công trình ảnh hưởng đến tính mạng con người.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm túc nội quy an toàn lao động. Các công tác đảm bảo an toàn lao động trong từng công đoạn của hoạt động khai thác được trình bày cụ thể như sau:

2. Các biện pháp phòng chống cháy nổ

- Thực hiện nghiêm chỉnh các tiêu chuẩn quy phạm, quy định về PCCC trong suốt quá trình hoạt động

- Tập huấn, nâng cao hiểu biết và khả năng ứng phó khi có cháy xảy ra cho công nhân của cơ sở;

- Tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ, phòng chống cháy rừng cho công nhân;

Khi có báo cháy:

- Ngay lập tức xác định khu vực cháy và loại hình đám cháy: nhỏ, lớn.

- Ngay lập tức huy động nhân lực sử dụng phương tiện chữa cháy tại chỗ để dập tắt đám cháy với đám cháy nhỏ.

- Với đám cháy lớn, thực hiện báo động để sơ tán, tránh gây tổn thất về con người.

- Gọi điện báo ngay cho lực lượng chữa cháy theo số điện thoại 114.

- Huy động nhân lực sử dụng các phương tiện chữa cháy tại chỗ để kiểm soát đám cháy trong khi chờ đơn vị chữa cháy chuyên nghiệp tới.

- Kết hợp cùng lực lượng công an địa phương để giữ gìn trật tự, bảo vệ hiện trường phục vụ cho việc điều tra kết luận nguyên nhân vụ cháy. Làm báo có sự cố theo quy định.

3. Các biện pháp phòng ngừa sự cố sạt lở đất

- Bố trí cán bộ phụ trách mỏ có chuyên môn để điều hành hoạt động khai thác theo đúng kỹ thuật, tránh để sự cố sạt lở đất đá xảy ra.

- Đối với nguy cơ xói lở, trượt lở xảy ra trên khu vực khai trường, bãi thải: trong thời gian khai thác thực hiện nghiêm túc việc đào rãnh thoát nước trong quá trình khai thác và nghiêm cấm chặt cây khu vực chưa khai thác để giảm lượng nước chảy tràn.

- Theo dõi thông tin mưa bão và lên kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố sạt lở đất đá; Tạm ngừng khai thác, sơ tán cán bộ công nhân, máy móc, phương tiện (nếu cần thiết) để tránh những thiệt hại do sự cố sạt, lở đất đá gây ra khi trời mưa to.

- Kiểm tra, nạo vét các tuyến thu gom, tiêu thoát nước mưa chảy tràn; Kiểm

tra, gia cố bờ moong khai thác, đầm nén chắc chắn khu vực bãi chứa đất phủ trước mùa mưa bão để hạn chế sạt lở đất đá.

- Công tác khai thác phải tuân theo hồ sơ thiết kế mỏ đã phê duyệt.

- Không đào khoét, khai thác hồng chân và tránh những chấn động, những mảnh đất, đá có nguy cơ bị sụp đổ.

- Khi phát hiện có dấu hiệu, hiện tượng sạt lở phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

- Yêu cầu tất cả cán bộ công nhân rời khỏi khu vực mỏ trong trường hợp mưa bão, không ở lại nhà điều hành.

- Xây dựng phương án chống sạt lở tại công trình và cam kết thực hiện theo đúng phương án đã xây dựng.

4. Sự cố đối với các hố lắng

- Định kỳ tiến hành nạo vét, khơi thông hệ thống thu gom thoát nước thải, hố lắng.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom, thoát nước thải để sớm sửa chữa khi phát hiện rò rỉ, hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng hệ thống phun sương, trạm xịt rửa xe.

5. Các biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn giao thông

- Quy định thời gian vận chuyển hợp lý đối với các phương tiện để tránh ùn tắc vào giờ cao điểm.

- Bố trí tiến độ vận chuyển hợp lý, không tập trung vận chuyển một khối lượng các phương tiện vận chuyển cùng một lúc, trên cùng một tuyến đường.

- Không chở vật tư, nguyên vật liệu quá tải, công kênh.

- Thực hiện tốt công tác kiểm định, duy tu, bảo dưỡng các phương tiện vận chuyển.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 61 /GPMT-UBND
ngày 14 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

1. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường: Căn cứ vào điều kiện thực tế của loại hình khai thác khoáng sản ảnh hưởng của quá trình khai thác đến môi trường; căn cứ cấu tạo địa chất, thành phần khoáng vật và chất lượng môi trường của khu vực; hiện trạng khai trường sau kết thúc khai thác và tuân thủ hướng dẫn tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Bảo vệ môi trường, Công ty lựa chọn phương án cải tạo phục hồi môi trường như sau:

- Toàn bộ diện tích khu vực mỏ được san phẳng tương đối, phủ đất và trồng rừng để ổn định và tránh rửa trôi.

- Đối với đất đá thải ở bãi thải, một phần được vận chuyển tới khu vực mỏ để san lấp, phần còn lại sẽ được san gạt và trồng rừng.

- Điều chỉnh mật độ trồng keo lai từ 2.200 cây/ha lên 2.500 cây ha theo Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc quy định một số định mức kinh tế - kỹ thuật về Lâm nghiệp.

- Giảm diện tích trồng và chăm sóc keo 3 năm từ 61 ha xuống còn 60 ha theo diện tích Dự án được cấp phép.

- Bổ sung san gạt moong khai trường.

- Bổ sung san lấp hố lắng, mương thoát nước xung quanh khai thác.

- Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử. Bản đồ tỷ lệ 1/2.000, đường đồng mức 2m, cấp địa hình IV: 60 ha.

- Bổ sung duy tu bảo dưỡng tuyến đường vận chuyển gần khu vực mỏ với cự ly 2 km.

Tổng hợp các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời gian thực hiện
	Khu vực khai trường			
1	Đào đất tại bãi thải - Đất cấp III, bằng máy đào 1,25m ³ đổ vào để san lấp hố lắng và mương thoát nước	m ³	16.188,75	

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời gian thực hiện
2	Vận chuyển đất đổ vào đê san lấp hồ lắng và mương thoát nước bằng xe ô tô tự đổ 12 tấn - đất cấp III, cự ly vận chuyển 1km	m ³	16.188,75	Sau khi kết thúc toàn bộ quá trình khai thác
3	San ủi đất san lấp bằng máy ủi 110CV, đất cấp III trong phạm vi 100m	m ³	16.188,75	
4	San gạt moong khai trường bằng máy ủi 110CV, đất cấp III trong phạm vi 100m tạo mặt phẳng trồng cây	m ³	300.000	
5	Trồng và chăm sóc keo 3 năm	ha	60	
6	Duy tu bảo dưỡng tuyến đường vận chuyển gần khu vực mỏ	km	2,0	
7	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử. Bản đồ tỷ lệ 1/2.000, đường đồng mức 2m, cấp địa hình IV	100 ha	0,60	

2. Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường: **A = 11.287.950.000 đồng**
(Mười một tỷ hai trăm tám mươi bảy triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng chẵn);

- Thực hiện ký quỹ như sau:

+ Số lần ký quỹ: 16 lần;

+ Số tiền ký quỹ lần đầu: 2.257.590.000 đồng;

+ Số tiền ký quỹ các lần còn lại: 602.024.000 đồng/lần.

Chủ cơ sở đã thực hiện ký quỹ với số tiền là 2.367.010.121 đồng. Việc khấu trừ số tiền đã đóng được thực hiện theo quy định của pháp luật về ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường và theo quy định của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Thời điểm ký quỹ: Chủ cơ sở thực hiện ký quỹ lần đầu trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày cấp Giấy phép môi trường; việc ký quỹ từ lần thứ hai trở đi phải thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế.

Địa chỉ: Số 115 đường Nguyễn Huệ, phường Phú Nhuận, thành phố Huế.

B. YÊU CẦU KHÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Công ty Cổ phần xi măng Đồng Lâm chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Thực hiện đúng các

nội dung cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TTBTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.